



gǎi jiàn

改建

verb · rebuild; renovate

Example Sentences

xué jiào zhèng zài gǎi jiàn cāo chǎng

学校正在改建操场。

The school is renovating the playground.

zhè zuò lǎo fáng zi bèi gǎi jiàn chéng le bó wù guǎn

这座老房子被改建成了博物馆。

This old house was rebuilt into a museum.

Trace each character, then write the word on your own.

改 改 改 改 改 改 改 改 改 改

建 建 建 建 建 建 建 建 建 建 建